

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

Bản án số: 127/2022/HS-ST
Ngày 23- 09-2022.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thịnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Tuấn Sỹ;

Bà Đặng Thị Lan Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khanh- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 98/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/HSST ngày 07/9/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thái A; sinh ngày:08 tháng 5 năm 1993 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: số K, ngõ K1, phố M, khối K2, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T, chồng: Nguyễn Vũ T1; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án: không; Tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 19/01/2022: Có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị Công an thành phố L lập hồ sơ xử lý (quyết định xử phạt hành chính số 06 ngày 01/3/2022 số tiền 1.500.000 đồng). Nhân thân chưa bị xử lý hình sự. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/5/2022 đến nay, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: Số P, đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

2. Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1988; địa chỉ: Số C/V, đường L, phường H, thành

phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

3. Bà Mai Kim A, sinh năm 1975; địa chỉ: Ngõ M1, đường T2, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

4. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1972; địa chỉ: Số M2, Phố M, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

5. Bà Đinh Thị B, sinh năm 1975; địa chỉ: Số L1/L2, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

6. Bà Lâm Vân A, sinh năm 1973; địa chỉ: Số P5, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

7. Bà Dương Kim O, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

8. Chị Ma Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ N5, khối N6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn tiếp nhận đơn trình báo của quần chúng nhân dân về việc đối tượng Nguyễn Thái A có hành vi cho vay tiền với mức lãi suất cao hơn mức quy định của Nhà nước. Ngày 30/5/2022, tại khu vực đường B, phường H, thành phố L, qua công tác trinh sát, Công an thành phố L phát hiện Nguyễn Thái A có biểu hiện về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với Đinh Thị B. Công an thành phố đã tiến hành kiểm tra và lập biên bản sự việc, thu giữ của Nguyễn Thái A 300.000 đồng (tiền ngân hàng Nhà nước Việt nam); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia A1280 màu đen, số seri 3572560586131, lắp sim số 0385.143.273 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 pro max 256gb, màu xanh, số Imei 3586.492.574.32.833, lắp sim số 0984.656.663, đã qua sử dụng; 01 xe máy điện màu xám, nhãn hiệu Gopaths, không biển kiểm soát, số khung RPBYGTPGNMV501174, số máy HFT60V800WA1-210300441, đã qua sử dụng.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thái A thu giữ 01 thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên NGUYEN THAI A; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thái A.

Quá trình điều tra đã xác định từ khoảng tháng 8/2021, Nguyễn Thái A, bắt đầu cho vay lãi nặng dưới hình thức bát họ. Mỗi bát họ được tính 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), Nguyễn Thái A cắt trước tiền lãi 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), người vay nhận lại được 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian trả 40 ngày, mỗi ngày vay phải trả 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) cho đến khi đủ 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng). Với trường hợp vay 0,5 bát được tính 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), cắt trước tiền lãi 1.000.000 đồng (một triệu đồng), người vay nhận lại được 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), thời gian trả 25 ngày mỗi ngày 200.000 đồng

(hai trăm nghìn đồng). Quá trình cho vay, Nguyễn Thái A tính lãi suất dựa trên số tiền vay gốc, không tính cộng dồn tiền vay gốc với tiền lãi chưa thanh toán để tính lãi.

Các trường hợp vay tiền của Nguyễn Thái A được lập giấy vay tiền hoặc không cần xác lập giấy vay tiền, tùy vào mối quan hệ và số lượng vay để theo dõi và tính phần trăm lãi suất khác nhau. Hằng ngày, Nguyễn Thái A là người trực tiếp đi thu tiền mặt từ những người vay hoặc khách sẽ trả tiền chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. Đối với khách vay có đưa giấy tờ cá nhân, khi nào khách thanh toán xong khoản vay thì Nguyễn Thái A sẽ trả lại giấy tờ cá nhân đó cho khách.

Quá trình vay, ngoài liên lạc trực tiếp, bị can còn liên lạc, trao đổi với khách vay qua điện thoại và zalo, cụ thể: Nguyễn Thái A sử dụng 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen, số seri: 3572560586131, gắn sim thuê bao số 0385.143.273; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, số Imei 358649257432833 gắn sim thuê bao số 0984.656.663, tài khoản Zalo: “LKN” để liên lạc với khách vay.

Về lãi suất cho vay được quy đổi theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm) và được tính theo công thức:

Số tiền lãi x 365

$$\text{Lãi suất tính lãi} = \frac{\text{Số tiền vay theo thỏa thuận} \times \text{Số ngày thỏa thuận vay}}{365} (\%)$$

Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015, số tiền lãi được hưởng theo quy định được tính theo công thức:

- Tiền lãi được hưởng = $\frac{\text{Số dư thực tế} \times \text{số ngày duy trì số dư thực tế} \times 20\%}{365}$

Theo công thức trên, số tiền thu lợi bất chính được xác định: Số tiền thu lợi bất chính = Số tiền lãi - tiền lãi được hưởng.

Trong đó: số tiền lãi là số tiền các bị can cắt lãi của khoản vay; số dư thực tế là số tiền vay bất hợp theo thỏa thuận; số ngày duy trì số dư thực tế là số ngày trả tiền gốc các bị can thỏa thuận với người vay.

Quá trình điều tra làm rõ, bị can đã cho 08 người sau vay

T T	Họ và tên	thời gian vay	thời gian trả	Số tiền vay trên giấy tờ (đồng)	Số tiền cắt lãi (đồng)	Số tiền phải trả/ngà y (đồng/ ngày)	Thời gian trả (ngày)	Số ngày đã trả lãi	Lãi suất năm (%/ năm)	Số tiền được hưởng lợi trong quy định	Số tiền hưởng lợi bất chính	Nợ gốc
1	Nguyễn Thị Đ (8 bát)	26/9/202 1 (20/8 âm lịch)	trả đủ ngày	12,000,000	2,500,000	300,000	40	40	190	263,014	2,236,986	
		26/10/20 21	trả đủ ngày	12,000,000	2,500,000	300,000	40	40	190	263,014	2,236,986	
		26/11/20 21	trả đủ ngày	12,000,000	2,500,000	300,000	40	40	190	263,014	2,236,986	
		26/12/20 21	trả đủ ngày	12,000,000	2,500,000	300,000	40	40	190	263,014	2,236,986	
		26/01/20 22	trả đủ ngày	12,000,000	2,500,000	300,000	40	40	190	263,014	2,236,986	

		26/02/2022	trả đủ ngày	12,000,000	2,500,000	300,000	40	40	190	263,014	2,236,986	
		26/3/2022	trả đủ ngày	12,000,000	2,500,000	300,000	40	40	190	263,014	2,236,986	
		26/4/2022	Trả đủ ngày	12,000,000	2,500,000	300,000	40	40	190	263,014	2,236,986	
			Tổng cộng	96.000.000	20.000.000					2,104,110	17,895,890	
2	Nguyễn Thị T4 (2 bát)	13/2/2022	trả đủ ngày	12,000,000	2,500,000	300,000	40	40	190	263,014	2,236,986	
		23/5/2022	Chưa trả đủ	12,000,000	2,500,000	300,000	40	8	190	263,014	2,236,986	9,600,000
			Tổng cộng	24.000.000	5.000.000					526,027	4,473,973	
3	Mai Kim A (1,5 bát)	21/4/2022	trả đủ ngày	5,000,000	1,000,000	200,000	25	25	292	68,493	931,507	
		17/5/2022	chưa trả đủ	12,000,000	2,500,000	300,000	40	13	190	263,014	2,236,986	8,100,000
			Tổng cộng	17.000.000	3.500.000					331,507	3,168,493	
4	Nguyễn Thị T3 (2 bát)	4/3/2022	trả đủ ngày	12,000,000	2,500,000	300,000	40	40	190	263,014	2,236,986	
		10/4/2022	trả đủ ngày	12,000,000	2,500,000	300,000	40	40	190	263,014	2,236,986	
			Tổng cộng	24.000.000	5.000.000					526,027	4,473,972	
5	Đinh Thị B (3 bát)	7/2/2022	trả đủ ngày	12,000,000	2,500,000	300,000	40	40	190	263,014	2,236,986	
		19/3/2022	trả đủ ngày	12,000,000	2,500,000	300,000	40	40	190	263,014	2,236,986	
		28/4/2022	chưa trả đủ	12,000,000	2,500,000	300,000	40	33	190	263,014	2,236,986	2,100,000
			Tổng cộng	36.000.000	7.500.000					789,041	6,710,958	
6	Lâm Văn A (1 bát)	31/12/2021	Chưa trả đủ	12,000,000	2,500,000	300,000	40	32	190	263,014	2,236,986	2,400,000
										263,014	2,236,986	
7	Dương Kim O (1 bát)	tháng 2/2022	trả đủ ngày	12,000,000	2,500,000	300,000	40	40	190	263,014	2,236,986	
										263,014	2,236,986	
8	Ma Thị N (2 bát)	tháng 2/2022	trả đủ ngày	12,000,000	2,500,000	300,000	40	40	190	263,014	2,236,986	
		tháng 2/2023	trả đủ ngày	12,000,000	2,500,000	300,000	40	40	190	263,014	2,236,986	
			Tổng cộng	24.000.000	5.000.000					526,027	4,473,972	
Tổng cộng:				245,000,000	51.000.000	5,328,767				45,671,233	22,200,000	

Như vậy: Nguyễn Thái A đã cho Nguyễn Thị Đ vay 8 bát họ, lãi suất 190% năm; Nguyễn Thái A đã được hưởng lợi hợp pháp 2.104.110 đồng. Thu lời bất chính 17.895.890 đồng; Nguyễn Thái A đã cho Nguyễn Thị T4 vay 2 bát họ, mỗi bát họ 12.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 526.028 đồng, thu lời bất chính là 4.473.972 đồng; Nguyễn Thái A đã cho Mai Kim A vay 5.000.000 đồng. Khoản vay này Thái A hưởng lợi hợp pháp là 68.493 đồng; thu lời bất chính là 931.507 đồng. Nguyễn Thái A đã cho Mai Kim A vay 1 bát họ 12.000.000 đồng; hưởng lợi hợp pháp là 263.014 đồng; thu lời bất chính là 2.236.986 đồng; Nguyễn Thái A đã cho Nguyễn Thị T3 vay 2 bát họ hưởng lợi hợp pháp là 526.028 đồng, thu lợi bất chính là 4.473.972 đồng; Nguyễn Thái A đã cho Đinh Thị B vay 3 bát họ, đối với các khoản vay này Thái A đã thu lợi hợp pháp là 789.042 đồng, thu lời bất chính là 6.710.958 đồng. Nguyễn Thái A đã cho Lâm Văn A vay 1 bát họ, hưởng lợi hợp pháp 263.014 đồng, thu lời bất chính là 2.236.986 đồng; Nguyễn Thái A đã cho Dương Kim O vay 1 bát họ hưởng lợi hợp pháp là 263.014 đồng, thu lời bất chính là 2.236.986 đồng; Nguyễn Thái A đã cho Ma Thị N vay 2 bát họ hưởng lợi hợp pháp là 526.028 đồng, thu lời bất chính là 4.473.972 đồng.

Kết luận là từ tháng 8/2021, Nguyễn Thái A đã có hành vi cho nhiều người trên địa bàn thành phố L vay lãi dưới hình thức “vay bát họ”. Tổng số tiền 245.000.000 đồng với lãi suất từ 190% đến 292%/ năm, thu lãi hợp pháp là 5.328.767 đồng, thu lợi bất chính 45.671.233 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có ý kiến:

Bà Nguyễn Thị Đ có ý kiến: Từ ngày 26/9/2021 đến ngày 26/4/2022, bà đã vay Nguyễn Thái A 8 bát họ, mỗi bát họ trị giá 12.000.000 đồng, mỗi 1 bát họ thì Thái A cắt tiền lãi là 2.500.000 đồng, bà chỉ được nhận 9.500.000 đồng, trả gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày 300.000/đồng, các khoản vay này bà đã trả hết cho Thái A tiền gốc, bà xin vắng mặt và đề nghị giải quyết vụ án theo quy định pháp luật;

Chị Nguyễn Thị T4 có ý kiến: Ngày 13/2/2022, chị đã vay Thái A 1 bát họ trị giá 12 triệu đồng, Thái A cắt tiền lãi là 2.500.000 đồng, chị chỉ được nhận 9.500.000 đồng, trả gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày 300.000/ đồng, khoản vay này chị đã trả hết cho Thái A tiền gốc. Ngày 23/5/2022 chị đã vay Thái A 1 bát họ trị giá 12 triệu đồng, Thái A cắt tiền lãi là 2.500.000 đồng, bà chỉ được nhận 9.500.000 đồng, trả gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng, khoản vay này chị đã trả cho Thái A được 8 ngày tiền gốc tương đương 2.400.000 đồng còn nợ 9.600.000 đồng. Chị xin vắng mặt và đề nghị giải quyết vụ án theo quy định pháp luật;

Bà Mai Kim A có ý kiến: Ngày 13/02/2022, bà đã vay Thái A 1/2 bát họ trị giá 5 triệu đồng, Thái A cắt tiền lãi là 1000.000 đồng, bà chỉ được nhận 4.000.000 đồng, trả gốc và lãi trong vòng 25 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, khoản vay này bà đã trả hết cho Thái A tiền gốc. Ngày 17/5/2022 bà đã vay Thái A 1 bát họ trị giá 12 triệu đồng, Thái A cắt tiền lãi là 2.500.000 đồng, bà chỉ

được nhận 9.500.000 đồng, trả gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng, khoản vay này bà đã trả cho Thái A được 13 ngày tiền gốc tương đương 3.900.000 đồng còn nợ 8100.000 đồng. Bà xin vắng mặt và đề nghị giải quyết vụ án theo quy định pháp luật;

Bà Nguyễn Thị T3 có ý kiến: Ngày 04/03/2022, bà đã vay Thái A 1 bát họ trị giá 12.000.000 đồng, Thái A cắt tiền lãi là 2.500.000 đồng, bà chỉ được nhận 9.500.000 đồng, trả gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng, khoản vay này bà đã trả hết cho Thái A tiền gốc. Ngày 10/4/2022, bà đã vay Thái A 1 bát họ trị giá 12.000.000 đồng, Thái A cắt tiền lãi là 2.500.000 đồng, bà chỉ được nhận 9.500.000 đồng, trả gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng, khoản vay này bà đã trả hết cho Thái A tiền gốc.

Bà Đinh Thị B có ý kiến: Ngày 07/02/2022, bà đã vay Thái A 1 bát họ trị giá 12.000.000 đồng, Thái A cắt tiền lãi là 2.500.000 đồng, bà chỉ được nhận 9.500.000 đồng, trả gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng, khoản vay này bà đã trả hết cho Thái A tiền gốc. Ngày 19/3/2022, bà đã vay Thái A 1 bát họ trị giá 12.000.000 đồng, Thái A cắt tiền lãi là 2.500.000 đồng, bà chỉ được nhận 9.500.000 đồng, trả gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày 300.000/ đồng, khoản vay này bà đã trả hết cho Thái A tiền gốc. Ngày 28/4/2022, bà đã vay Thái A 1 bát họ trị giá 12.000.000 đồng, Thái A cắt tiền lãi là 2.500.000 đồng, bà chỉ được nhận 9.500.000 đồng, trả gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày 300.000/ đồng, khoản vay này bà đã trả cho Thái A tiền gốc được 33 ngày tương đương 9.900.000 đồng, còn nợ 07 ngày tiền gốc tương đương 2.100.000 đồng.

Bà Lâm Vân A có ý kiến: Ngày 31/12/2022, bà đã vay Thái A 1 bát họ trị giá 12 triệu đồng, Thái A cắt tiền lãi là 2.500.000 đồng, bà chỉ được nhận 9.500.000 đồng, trả gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày 300.000/ đồng, khoản vay này bà đã trả cho Thái A tiền gốc được 32 ngày tương đương 9.600.000 đồng, còn nợ 08 ngày tiền gốc tương đương 2.400.000 đồng,

Bà Dương Kim O có ý kiến: Khoảng tháng 02/2022, bà đã vay Thái A 1 bát họ trị giá 12.000.000 đồng, Thái A cắt tiền lãi là 2.500.000 đồng, bà chỉ được nhận 9.500.000 đồng, trả gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày 300.000/ đồng, khoản vay này bà đã trả hết cho Thái A tiền gốc.

Chị Ma Thị N có ý kiến: Khoảng tháng 02/2022, chị đã vay Thái A 1 bát họ trị giá 12.000.000 đồng, Thái A cắt tiền lãi là 2.500.000 đồng, chị chỉ được nhận 9.500.000 đồng, trả gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng, khoản vay này chị đã trả hết cho Thái A tiền gốc rồi. Khoảng tháng 4/2022, chị đã vay Thái A 1 bát họ trị giá 12 triệu đồng, Thái A cắt tiền lãi là 2.500.000 đồng, chị chỉ được nhận 9.500.000 đồng, trả gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng, khoản vay này chị đã trả hết cho Thái A tiền gốc.

Tại Bản cáo trạng số 95/CT-VKS, ngày 10 tháng 08 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Thái A về tội Cho vay

lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà,

Bị cáo Nguyễn Thái A có ý kiến: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Chị Nguyễn Thị T3 đã có đơn với nội dung Nguyễn Thái A đã trả lại chị số tiền lãi mà Nguyễn Thái A đã nhận từ chị, chị đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái A phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Áp dụng khoản 1,3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thái A mức hình phạt chính từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Về hình phạt bổ sung Phạt bị cáo 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng để nộp vào Ngân sách nhà nước. Về khấu trừ thu nhập: Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo vì bị cáo không có thu nhập.

Về biện pháp tư pháp: Truy thu để nộp vào ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Thái A: Tiền gốc cho vay: 222.500.000 đồng; Tiền lãi 20 % có được từ hành vi phạm tội: 5.328.767 đồng

Buộc bị cáo Nguyễn Thái A phải trả lại tiền thu lời bất chính cho người vay bao gồm: Trả lại bà Nguyễn Thị Đ: 17.895.890 đồng; trả lại chị Nguyễn Thị T4: 4.473.973 đồng; trả lại chị Mai Kim A: 3.168.493 đồng; trả lại chị Đinh Thị B: 6.710.958 đồng; trả lại chị Lâm Vân A: 2.236.986 đồng; trả lại chị Dương Kim O: 2.236.986 đồng; trả lại Ma Thị N 4.473.972 đồng.

Buộc những người vay phải nộp vào ngân sách nhà nước tiền nợ gốc mà người vay chưa trả cho bị cáo cụ thể: Chị Nguyễn Thị T4 phải nộp 9.600.000 đồng; chị Mai Kim A phải nộp 8.100.000 đồng; chị Đinh Thị B phải nộp 2.100.000 đồng; chị Lâm Vân A phải nộp 2.400.000 đồng;

Về vật chứng: Tịch thu hóa giá nộp vào ngân sách nhà nước vì liên quan đến hành vi phạm tội: 01 điện thoại Iphone 13, màu xanh, có lắp sim số 0984656663 thu giữ của bị cáo Nguyễn Thái A; 01 điện thoại Nôkia 1280, màu đen, có lắp sim 0385143273 thu giữ của bị cáo Nguyễn Thái A; Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 300.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thái A; trả lại bị cáo Nguyễn Thái A 01 thẻ ngân hàng Vietcombank; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thái A. Lưu theo hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi lời khai của bị cáo Nguyễn Thái A để bảo quản theo quy định.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi của bản thân, xin mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã triệu tập người liên quan bà Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị T4, bà Mai Kim A, bà Nguyễn Thị T3, bà Đinh Thị B, bà Dương Kim O, chị Ma Thị N tuy nhiên tại phiên tòa tất cả người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, trong hồ sơ đã có lời khai, đã có ý kiến xin vắng mặt, việc tổng đạt đã hợp lệ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người liên quan theo quy định điều 292 bộ luật tố tụng hình sự

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thái A tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ xác định: Từ tháng 8/2021, Nguyễn Thái A đã có hành vi cho nhiều người trên địa bàn thành phố L vay lãi dưới hình thức “vay bắt họ”. Tổng số tiền 245.000.000 đồng với lãi suất từ 190% đến 292%/ năm, thu lãi hợp pháp là 5.328.767 đồng, thu lợi bất chính 45.671.233 đồng. Với hành vi như trên có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thái A về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ xâm phạm đến lợi ích công dân cần được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích lợi nhuận, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, gây thiệt hại cho người vay, làm cho người vay phải chịu lãi suất quá cao. Do vậy cần phải xử lý tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Để cá thể hóa hình phạt, cần xem xét:

[5] Về nhân thân ngoài lần bị truy tố và đưa ra xét xử tại phiên tòa hôm nay, bị cáo chưa bị truy tố, xét xử về hành vi phạm tội nào khác; về tiền sự Ngày 19/01/2022: bị cáo có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Công an thành phố

L lập hồ sơ xử lý Quyết định xử phạt hành chính số 06 ngày 01/3/2022 số tiền 1,500,000đ) nên được coi là có nhân thân không tốt.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự khắc phục 1 phần hậu quả bằng cách trả lại tiền lãi cho bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T3 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[8] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xét thấy bị cáo có địa chỉ rõ ràng nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án cải tạo không giam giữ là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[9] Về việc khấu trừ thu nhập: Bị cáo Nguyễn Thái A không có thu nhập, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[10] Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[11] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 43 Bộ luật hình sự: Đối với số tiền gốc mà những người vay đã trả cho bị cáo tổng cộng là 222.500.000đồng đây là phương tiện phạm tội cần truy thu của bị cáo Nguyễn Thái A để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[12] Đối với số tiền lãi trong quy định 20 %/năm mà Thái A đã thu từ những người vay, tổng cộng là 5.328.767 đồng, đây là tiền Thái A có được từ hành vi phạm tội nên truy thu của bị cáo Thái A để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[13] Đối với số tiền lãi vay vượt quá lãi suất vượt quá quy định của pháp luật (20%/01 năm) Buộc bị cáo phải trả lại tiền Thái A thu lời bất chính cho người vay bao gồm: Trả lại bà Nguyễn Thị Đ: 17.895.890 đồng; trả lại chị Nguyễn Thị T4: 4.473.973 đồng; trả lại bà Mai Kim A: 3.168.493 đồng; trả lại bà Đinh Thị B: 6.710.958 đồng; trả lại bà Lâm Vân A: 2.236.986 đồng; trả lại bà Dương Kim O: 2.236.986 đồng; trả lại chị Ma Thị N 4.473.972 đồng.

[14] Xác nhận bị cáo Nguyễn Thái A đã trả lại chị Nguyễn Thị T3 số tiền lãi mà Nguyễn Thái A đã nhận từ chị Nguyễn Thị T3 là 4.473.972 đồng

[15] Đối với số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả cho bị cáo Nguyễn Thái A, đây là phương tiện phạm tội, cần buộc những người vay phải nộp vào ngân sách nhà nước cụ thể: Chị Nguyễn Thị T4 phải nộp 9.600.000 đồng; bà Mai Kim A phải nộp 8.100.000 đồng; bà Đinh Thị B phải nộp 2.100.000 đồng; bà Lâm Vân A phải nộp 2.400.000 đồng.

[16] Sau khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền còn chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành

[17] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại Iphone 13, màu xanh, có lắp sim số 0984656663, 01 điện thoại Nôkia 1280, màu đen, có lắp sim 0385143273; số tiền 300.000 đồng đều thu giữ của bị cáo Nguyễn Thái A bị cáo đã dùng để liên lạc để cho vay, thu nợ cần tịch thu hóa giá nộp vào ngân sách nhà nước các vật chứng trên vì liên quan đến hành vi phạm tội.

[18] Đối với 01 đĩa DVD ghi lời khai của bị cáo Nguyễn Thái A cần lưu theo hồ sơ để bảo quản theo quy định.

[19] Bị cáo Nguyễn Thái A khai nhận khi vay tiền bị cáo Nguyễn Thái A hướng dẫn người vay viết nội dung vay tiền vào quyển sổ có bìa ngoài giả da màu đen của bị cáo. Tuy nhiên đến tháng 5/2022, Nguyễn Thái A đã đem quyển sổ trên mang đi đốt. Trong lời khai Nguyễn Thái A có khai khi vay tiền Thái A còn giữ sổ hộ khẩu, căn cước công dân của bà Lâm Vân A; sổ bảo hiểm mang tên bà Dương Kim O; sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Ngọc Quỳnh. Quá trình điều tra Cơ quan đã tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Thái A nhưng không thu giữ được những vật chứng trên, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về các giấy tờ này. Do vậy, không có căn cứ xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[20] Đối với bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của Nguyễn Thái A. Thái A đã một số lần mượn tài khoản ngân hàng của bà T để khách vay chuyển tiền trả cho Thái A. Sau đó, bị cáo Thái A dùng thẻ ngân hàng của bà T để rút tiền mặt. Bà T không được bàn bạc, thỏa thuận và không biết việc Thái A cho khách vay tiền với lãi suất cao, không được hưởng lợi gì từ việc Thái A cho vay tiền nên không có căn cứ xử lý. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[21] Đối với chiếc xe máy điện màu xám, nhãn hiệu GOPATHS, không biển kiểm soát, số khung RPBYGTPGNMV501174, số máy HFT60V800WA1-210300441, đã qua sử dụng, quá trình điều tra đã xác định là tài sản của bà Nguyễn Thị T. Bà T mua chiếc xe trên với giá 13.000.000 đồng tại cửa hàng xe máy điện số Z đường T7 nhưng chưa đi đăng ký. Việc Thái A sử dụng chiếc xe trên để đi thu tiền gốc của những người vay tiền bà T không biết nên cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại chiếc xe trên cho bà T. Bà T không có ý kiến yêu cầu gì thêm, do vậy hội đồng xét xử không xem xét.

[22] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thái A bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[23] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên được chấp nhận.

[24] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 3 điều 201, điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 65; 47; 46 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm a, b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 262; Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái A phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái A 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn ấn định thời gian người chấp hành có mặt tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Giao bị cáo Nguyễn Thái A cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

2.2 Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Thái A 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp

3.1 Truy thu để nộp vào ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Thái A:

- Số tiền gốc cho vay: 222.500.000 (hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng;

- Số tiền lãi trong quy định 20 %/năm, có được từ hành vi phạm tội: 5.328.767 (năm triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy) đồng;

3.2 Buộc bị cáo Nguyễn Thái A phải trả lại tiền thu lời bất chính cho người vay bao gồm:

- Trả lại bà Nguyễn Thị Đ: 17.895.890 (mười bảy triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi) đồng;

- Trả lại chị Nguyễn Thị T4: 4.473.973 (bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi ba) đồng;

- Trả lại bà Mai Kim A: 3.168.493 (ba triệu một trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba) đồng;

- Trả lại bà Đinh Thị B: 6.710.958 (sáu triệu bảy trăm mười nghìn chín trăm năm mươi tám) đồng;
- Trả lại bà Lâm Vân A: 2.236.986 (hai triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu) đồng;
- Trả lại bà Dương Kim O: 2.236.986 (hai triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu) đồng;
- Trả lại chị Ma Thị N 4.473.972 (bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi hai) đồng.

3.3 Buộc những người vay phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả cho bị cáo cụ thể:

- Chị Nguyễn Thị T4 phải nộp 9.600.000 (chín triệu sáu trăm nghìn) đồng;
- Bà Mai Kim A phải nộp 8.100.000 (tám triệu một trăm nghìn) đồng;
- Bà Đinh Thị B phải nộp 2.100.000 (hai triệu một trăm nghìn) đồng;
- Bà Lâm Vân A phải nộp 2.400.000 (hai triệu bốn trăm nghìn) đồng;

4. Sau khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền còn chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành.

5. Xác nhận bị cáo Nguyễn Thái A đã trả cho bà Nguyễn Thị T3 số tiền lãi là: 4.473.972 (bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi hai) đồng.

6. Về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách nhà nước các vật chứng sau vì liên quan đến hành vi phạm tội: 01 điện thoại Iphone 13, màu xanh, có lắp sim số 0984656663; 01 điện thoại Nô Kia 1280, màu đen, có lắp sim 0385143273; số tiền 300.000 đồng đều thu giữ của bị cáo Nguyễn Thái A. Trả lại bị cáo Nguyễn Thái A 01 thẻ ngân hàng vietcombank; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thái A.

(Các vật chứng, tài sản trên được ghi theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/08/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn).

7. Lưu theo hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi lời khai của bị cáo Nguyễn Thái A để bảo quản theo quy định.

8. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thái A phải chịu phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

9. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn, T Lạng Sơn;
- CA TP Lạng Sơn, T Lạng Sơn (02 bản);
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn, T Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Thịnh